

Số: 08/2026/NQ-HĐND

Quảng Ninh, ngày 28 tháng 4 năm 2026

## NGHỊ QUYẾT

**Quy định tỷ lệ phần trăm (%) chi phí quản lý thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng số 02/2020/UBTVQH14;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 128/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong quản lý nhà nước lĩnh vực nội vụ;

Căn cứ Thông tư số 44/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí chi thường xuyên thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 95/2025/TT-BTC;

Xét Tờ trình số 1123/TTr-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định tỷ lệ phần trăm (%) chi phí quản lý thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Báo cáo thẩm tra số 58/BC-HĐND ngày 17 tháng 4 năm 2026 của Ban Văn hoá - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh ban hành Nghị quyết quy định tỷ lệ phần trăm (%) chi phí quản lý thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định tỷ lệ phần trăm (%) chi phí quản lý thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh theo

điểm a và điểm b khoản 3 Điều 1 Thông tư số 95/2025/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 44/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí chi thường xuyên thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý.

## 2. Đối tượng áp dụng

- a) Sở Nội vụ;
- b) Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu;
- c) Tổ chức dịch vụ chi trả, cá nhân trực tiếp chi trả;
- d) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

## **Điều 2. Nguyên tắc áp dụng**

Mức chi phí quản lý tại Nghị quyết này được phân bổ trên tổng kinh phí thực hiện các chính sách ưu đãi người có công với cách mạng (trừ kinh phí hỗ trợ các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng và chi công tác mộ liệt sĩ, nghĩa trang liệt sĩ) theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 44/2022/TT-BTC, được sửa đổi, bổ sung bởi điểm a khoản 3 Điều 1 Thông tư số 95/2025/TT-BTC.

## **Điều 3. Mức chi phí quản lý; mức chi trả thù lao hoặc chi phí dịch vụ chi trả tại cấp xã**

### 1. Mức chi phí quản lý

a) Đối với các xã, phường, đặc khu có đến 50 đối tượng hưởng trợ cấp ưu đãi hằng tháng: dành 100% tỷ lệ chi phí quản lý trên kinh phí thực hiện của địa phương cho Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.

b) Đối với các xã, phường, đặc khu có trên 50 đối tượng hưởng trợ cấp ưu đãi hằng tháng: dành 88% tỷ lệ chi phí quản lý trên kinh phí thực hiện của địa phương cho Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; dành 12% tỷ lệ chi phí quản lý trên tổng kinh phí thực hiện của các địa phương cho Sở Nội vụ.

2. Mức chi trả thù lao cho người trực tiếp chi trả hoặc tổ chức dịch vụ chi trả tại cấp xã không quá 40% tổng kinh phí quản lý của xã, phường, đặc khu quy định tại khoản 1 Điều này.

## **Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện**

Được bố trí hằng năm trong dự toán ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước hiện hành.

## **Điều 5. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 5 năm 2026.

## **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, đảm bảo công khai, minh bạch, kịp thời, đúng đối tượng. Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu chịu trách nhiệm toàn diện trong việc tổ chức thực hiện; bảo đảm quản lý chặt chẽ, tuyệt đối không để xảy ra vi phạm. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm đối với các vi phạm (nếu có).

2. Giao Thường trực, các ban, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

*Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh khóa XV, Kỳ họp thứ 02 thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2026.*

### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (báo cáo);
- Các bộ: Nội vụ, Tư pháp (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XV;
- Các ban xây dựng Đảng và VP Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ, các tổ chức CTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- VP: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, HD9.

**CHỦ TỊCH**

**Trịnh Thị Minh Thanh**